

Bản án số: 31/2018/DS-ST

Ngày 24 tháng 8 năm 2018

V/V: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Vượng
2. Ông Nguyễn Văn Bảng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát
viên

Trong các ngày 18 tháng 7 và ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 180/2017/TLST-DS ngày 14/11/2017 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 3 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 14/TB-TA ngày 31 tháng 5 năm 2018, giữa

+ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X

Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đức H - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang T - Giám đốc chi nhánh Bắc Giang

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đồng Minh T - Chuyên viên khách hàng, Ngân hàng X- Chi nhánh Bắc Giang. Theo Giấy ủy quyền số 75/2017/UQ-LPB-BG ngày 01/11/2017 của Giám đốc chi nhánh Bắc Giang.

Địa chỉ: Ngân hàng X- Chi nhánh Bắc Giang, số A, đường L, phường Hoàng Văn T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

+ **Đồng bị đơn:** Anh Hoàng Anh M, sinh năm 1984

Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm 5, thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nơi đăng ký HKTT: Khu N, thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Anh M có mặt, chị P có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1985

2. Chị Phùng Thị H, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Anh Đ có mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ **Người Làm chứng:** Ông Đinh Văn Q, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa ông Đồng Minh T trình bày: Ông là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết việc kiện tại Tòa án theo Giấy ủy quyền số 75/2017/UQ-LPB-BG ngày 01/11/2017 của Giám đốc chi nhánh Bắc Giang. Anh Hoàng Anh M, chị Nguyễn Thị P có vay của Ngân hàng X tổng số tiền là 800.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 300.551/2014/HĐTD ngày 08/12/2014. Mục đích vay là mua ô tô phục vụ việc đi lại cá nhân và gia đình, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay là 12%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay trên anh M, chị P đã thế chấp xe ô tô MAZDA, đăng ký xe số 003358 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 04/12/2014, đăng ký mang tên Hoàng Anh M. Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 300.0335/2014/HĐTC ngày 08/12/2014. Anh M, chị P đã trả cho Ngân hàng được tiền gốc và lãi đến ngày 26/06/2015 là 82.516.500 tiền gốc.

Khi anh M, chị P không trả được nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp với anh M và chị P, các lần làm việc anh M và chị P đều khất nợ và thu xếp trả nợ cho Ngân hàng, đến nay thì Ngân hàng vẫn liên lạc với anh M và chị P qua điện thoại, còn địa chỉ cụ thể anh M, chị P đang ở đâu Ngân hàng không được anh M, chị P cung cấp cho biết. Tính đến ngày 16/01/2018, anh M, chị P còn

nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.038.600.439 đồng. Trong đó: Tiền gốc là: 717.483.500 đồng; Tiền lãi 321.116.939 đồng.

Nay Ngân hàng đề nghị anh M, chị P phải trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Trường hợp anh M, chị P không trả được nợ đề nghị được phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô.

Tại phiên tòa ngày 07/5/2018 anh M, anh Đ có nộp cho Tòa án 02 hợp đồng mua bán xe ô tô MAZDA 6 màu đỏ BKS 98A-05758, chiếc xe ô tô trên anh M, chị P đã thế chấp vay tiền của Ngân hàng, cụ thể hai hợp đồng như sau: 01 hợp đồng mua bán xe ô tô do anh M nộp không có ngày tháng năm và 01 hợp đồng mua bán xe ô tô ghi ngày 28/6/2015 do anh Đ nộp, hai hợp đồng ký giữa vợ chồng anh M, chị P và vợ chồng anh Đ, chị H.

Do chiếc xe ô tô MAZDA 6 màu đỏ BKS 98A-05758 đã thế chấp vay Ngân hàng mà giữa các bên lại ký hợp đồng mua bán xe ô tô như vậy là ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Mặt khác, chiếc xe ô tô trên hiện tại anh Đ đang quản lý và sử dụng. Do vậy để bảo đảm quyền lợi của Ngân hàng, tại phiên tòa ngày 07/5/2018 Ngân hàng mới biết được có hai hợp đồng mua bán trên, nay Ngân hàng yêu cầu bổ sung đề nghị Tòa án tuyên hai hợp đồng mua bán xe ô tô trên giữa vợ chồng anh M, chị P và vợ chồng anh Đ, chị H là vô hiệu. Trường hợp Tòa án tuyên hai hợp đồng trên là vô hiệu, việc giải quyết hậu quả của hợp đồng Ngân hàng không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa ngày 18/7/2018 và ngày 24/8/2018, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu và trình bày: Ngân hàng yêu cầu anh Hoàng Anh M và chị Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/8/2018 là 1.135.472.208 đồng, trong đó tiền gốc là 717.483.500 đồng và tiền lãi là 417.688.708 đồng. Trường hợp anh Hoàng Anh M và chị Nguyễn Thị P không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp hai bên đã ký kết. Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng mua bán xe ô tô ký giữa anh M, chị P và anh Đ, chị H là vô hiệu vì hai hợp đồng này vi phạm điều cấm của pháp luật, khi mua bán không có đăng ký xe ô tô bản gốc và việc mua bán không có ý kiến của Ngân hàng.

+ Tại biên bản lấy lời khai anh Hoàng Anh M trình bày: Anh có biết việc Ngân hàng TMCP X khởi kiện vợ chồng anh tại Tòa án nhân dân thành phố B. Tại

thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng anh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm A1, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đến khoảng giữa năm 2017 vợ chồng anh chuyển hộ khẩu về địa chỉ: Khu N, thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Tòa án gửi giấy tờ theo địa chỉ trên cho anh hoặc liên lạc với anh theo số điện thoại 0945082364 và 0984818073. Hiện tại anh và vợ con sinh sống tại địa chỉ trên.

Vợ chồng anh có vay của Ngân hàng X tổng số tiền là 800.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 300.551/2014/HĐTD ngày 08/12/2014. Mục đích vay là mua ô tô phục vụ việc đi lại cá nhân và gia đình, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay là 12%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng anh có thể chấp xe ô tô MAZDA, đăng ký xe số 003358 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 04/12/2014, đăng ký mang tên Hoàng Anh M, biển số 98A-05758. Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 300.0335/2014/HĐTC ngày 08/12/2014. Đối với chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp của vợ chồng anh, sau khi thế chấp cho Ngân hàng anh là người quản lý sử dụng chiếc xe trên. Đến giữa năm 2015 do anh có vay tiền của anh Đinh Văn Đ tại địa chỉ thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Anh Đ có nói với anh là giữ lại chiếc xe để làm tin, anh có đưa cho anh Đ chiếc xe, vì vậy đến nay chiếc xe ô tô anh thế chấp tại Ngân hàng do anh Đinh Văn Đ là người đang quản lý.

Tòa án có giao cho anh các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ do Ngân hàng cung cấp và do Tòa án thu thập được, trong đó có biên bản Tòa án lấy lời khai của anh Đinh Văn Đ, trong biên bản lấy lời khai anh Đ có trình bày với Tòa án là giữa anh và anh Đ có lập hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô và qua công chứng chứng thực, anh Đ trình bày như vậy là không đúng vì khi đưa xe ô tô cho anh Đ anh đã nói rõ chiếc xe ô tô anh đang thế chấp vay tiền Ngân hàng TMCP X. Ngoài đăng ký xe ô tô anh đã thế chấp tại Ngân hàng và Ngân hàng đang giữ thì anh không có đăng ký xe ô tô nào khác. Anh Đ có trình bày là anh đưa đăng ký xe bản gốc cho anh Đ, sau đó anh có mượn lại đăng ký xe của anh Đ là không đúng. Anh có vay tiền của anh Đ nhiều lần, nhiều lần anh có ký vào giấy anh Đ đưa, nhưng chưa viết nội dung.

Nay Ngân hàng khởi kiện buộc vợ chồng anh phải trả số tiền gốc còn nợ Ngân hàng và số tiền lãi phát sinh là 1.072.183.530 đồng vợ chồng anh không có ý

kiến gì. Trường hợp vợ chồng anh không trả được nợ Ngân hàng có phát mại tài sản là chiếc xe ô tô vợ chồng anh đã thế chấp cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng anh đang gặp khó khăn về kinh tế, anh đề nghị Ngân hàng xem xét giảm cho vợ chồng anh tiền lãi và lãi phạt.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về tuyên hai hợp đồng mua bán xe ô tô cụ thể: 01 hợp đồng mua bán xe ô tô do anh nộp không có ngày tháng năm và 01 hợp đồng mua bán xe ô tô ghi ngày 28/6/2015 do anh Đ nộp, hai hợp đồng ký giữa vợ chồng anh và vợ chồng anh Đ, chị H liên quan đến chiếc xe ô tô MAZDA màu đỏ mà vợ chồng anh chị đã thế chấp vay tiền Ngân hàng là vô hiệu, anh không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại phiên tòa ngày 18/7/2018 và ngày 24/8/2018, anh M trình bày: Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc vợ chồng anh phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/8/2018 là 1.135.472.208 đồng, trong đó tiền gốc là 717.483.500 đồng và tiền lãi là 417.688.708 đồng, anh không có ý kiến gì. Anh đề nghị Ngân hàng xem xét giảm tiền lãi cho vợ chồng anh vì hiện tại hoàn cảnh của vợ chồng anh rất khó khăn. Đối với các yêu cầu khác của Ngân hàng anh nhất trí và không có ý kiến gì. Trường hợp Tòa án tuyên hai hợp đồng mua bán xe ô tô giữa vợ chồng anh và vợ chồng anh Đ, chị H là vô hiệu, vợ chồng anh không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

+ Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị có biết việc Ngân hàng TMCP X khởi kiện vợ chồng chị tại Tòa án nhân dân thành phố B. Thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải chị đều nhận được nhưng do con nhỏ chị không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Các lần anh M đến Tòa án làm việc, nội dung làm việc như thế nào anh M về có nói lại cho chị được biết. Chị cũng đã nhận được thông báo thụ lý vụ án bổ sung của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của Ngân hàng TMCP X về tuyên hai hợp đồng mua bán xe ô tô giữa vợ chồng chị và vợ chồng anh Đ, chị H là vô hiệu. Đối với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng khởi kiện vợ chồng chị, chị có ý kiến như sau:

- Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc vợ chồng chị trả số tiền gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng, chị có ý kiến như sau: Vợ chồng chị có vay của Ngân hàng X tổng số tiền là 800.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số

300.551/2014/HĐTD ngày 08/12/2014. Mục đích vay là mua ô tô phục vụ việc đi lại cá nhân và gia đình, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay là 12%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng chị có thể chấp xe ô tô MAZDA, đăng ký xe số 003358 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 04/12/2014, đăng ký mang tên Hoàng Anh M, biển số 98A-05758. Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 300.0335/2014/HĐTC ngày 08/12/2014. Vợ chồng chị đã trả cho Ngân hàng được tiền gốc và lãi đến ngày 26/06/2015 là 82.516.500 tiền gốc. Sau vì làm ăn khó khăn vì vậy vợ chồng chị chưa trả được Ngân hàng thêm tiền gốc cũng như tiền lãi. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền gốc còn nợ và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 300.551/2014/HĐTD ngày 08/12/2014, vợ chồng chị nhất trí không có ý kiến gì. Trường hợp vợ chồng chị không trả được nợ, Ngân hàng có yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô MAZDA, theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 300.0335/2014/HĐTC ngày 08/12/2014, vợ chồng chị nhất trí không có ý kiến gì vì việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện.

- Đối với yêu cầu của Ngân hàng về tuyên hợp đồng mua bán xe ô tô cụ thể: 01 hợp đồng mua bán xe ô tô do anh M nộp không có ngày tháng năm và 01 hợp đồng mua bán xe ô tô ghi ngày 28/6/2015 do anh Đ nộp, hai hợp đồng ký giữa vợ chồng chị và vợ chồng anh Đ, chị H liên quan đến chiếc xe ô tô MAZDA màu đỏ mà vợ chồng chị đã thế chấp vay tiền Ngân hàng là vô hiệu chị không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Chị trình bày về việc vợ chồng chị ký hợp đồng mua bán xe ô tô với vợ chồng anh Đ, chị H như sau: Vợ chồng chị có vay của anh Đ số tiền 100.000.000 đồng, anh Đ có yêu cầu vợ chồng chị phải có tài sản bảo đảm để làm tin, anh Đ có nói là do anh Đ không có giấy phép kinh doanh cầm đồ và anh Đ có bảo vợ chồng chị ký hợp đồng mua bán xe ô tô. Khi vay tiền anh Đ vợ chồng chị cũng đã nói rõ là chiếc xe ô tô MAZDA màu đỏ vợ chồng chị đang thế chấp để vay tiền của Ngân hàng TMCP X. Khi vợ chồng chị ký hợp đồng mua bán xe ô tô thì ký hai bản mỗi bên giữ một bản, hai hợp đồng đều chưa viết nội dung gì. Chị có đưa cho chồng chị là anh M để anh M cung cấp cho Tòa án một đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị và anh Đ, chị xin được trình bày như sau: Sau khi ký hợp đồng mua bán xe ô tô

xong, ngay buổi tối hôm ký hợp đồng chị không nhớ ngày tháng năm chị có gọi điện thoại cho anh Đ để khẳng định lại việc vợ chồng chị để lại chiếc xe ô tô MAZDA màu đỏ để làm tin chứ không phải vợ chồng chị bán chiếc xe ô tô trên. Ngoài ra chị không giao dịch gì với anh Đ, duy nhất vợ chồng chị có vay của anh Đ 100.000.000 đồng thì chị có ký vào hợp đồng mua bán xe ô tô để làm tin. Sau khi vợ chồng chị thế chấp chiếc xe ô tô MAZDA màu đỏ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng là người giữ đăng ký xe ô tô, còn vợ chồng chị là người quản lý sử dụng chiếc xe ô tô trên. Hiện tại chiếc xe ô tô trên do anh Đinh Văn Đ là người đang quản lý và sử dụng. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

+ Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa anh Đinh Văn Đ trình bày: Anh và anh M, chị P là chỗ quan hệ quen biết, thỉnh thoảng anh có cho anh M vay tiền, nhưng số tiền vay không lớn chỉ từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, anh M thường trả ngay, đến nay anh M đã trả hết. Tháng 7/2015, anh không nhớ ngày nào, anh M, chị P có lập hợp đồng bán chiếc xe ô tô MAZDA, đăng ký xe số 98A. 05758, thời điểm mua anh trả cho anh M, chị P 700.000.000 đồng. Sau khi thanh toán xong anh M có hỏi mượn lại đăng ký xe có việc, sau hai hôm thì anh M trả. Anh có đòi anh M nhiều lần đến nay anh M chưa trả cho anh đăng ký xe ô tô trên. Chiếc xe ô tô trên anh vẫn đang quản lý sử dụng chưa bán cho ai.

Trước khi anh và anh M ký hợp đồng mua bán xe MAZDA 6 màu đỏ BKS 98A-05758, anh có mua của anh M 01 xe Fortuner của anh M, chị P có hợp đồng mua bán xe, thời điểm mua trước khi anh mua xe MAZDA 6 màu đỏ khoảng 4 đến 5 tháng. Chiếc xe Fortuner anh mua với giá 850.000.000 đồng. Ngoài hai chiếc xe trên anh không ký hợp đồng mua bán xe ô tô nào với anh M và chị P.

Theo hợp đồng mua bán xe ô tô MAZDA 6 ngày 28/6/2015 anh đã nộp cho Tòa án, thì anh phải trả cho anh M số tiền 700.000.000 đồng, khi trả tiền anh không viết giấy nhận tiền với anh M, trả tiền có vợ anh là chị H và vợ chồng anh M, chị P. Việc mua bán chiếc xe ô tô trên là hợp pháp, khi mua anh M có đưa cho anh giấy đăng ký xe ô tô bản gốc, sau đó đến ngày 12/7/2015 anh M có mượn lại anh đăng ký xe để anh M đi có việc, anh M chỉ mượn đăng ký xe không mượn xe. Khi ký hợp đồng mua bán xe ô tô trên với anh M anh không biết là anh M đang thế chấp chiếc xe trên để vay tiền Ngân hàng TMCP X.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP X là phát mại tài sản là chiếc xe MAZDA 6 màu đỏ anh M thế chấp Ngân hàng anh không đồng ý.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng tuyên hai hợp đồng mua bán xe ô tô, cụ thể: 01 hợp đồng mua bán xe ô tô do anh M nộp không có ngày tháng năm và 01 hợp đồng mua bán xe ô tô ghi ngày 28/6/2015 do anh nộp. Hợp đồng ký giữa vợ chồng anh và vợ chồng anh M, chị P liên quan đến chiếc xe ô tô MAZDA màu đỏ mà anh M, chị P đã thế chấp vay tiền Ngân hàng là vô hiệu anh không đồng ý. Vì việc mua bán giữa vợ chồng anh và vợ chồng anh M, chị P là đúng. Đối với hợp đồng mua bán xe ô tô do anh M nộp không có ngày tháng năm, trong hợp đồng có chữ ký của anh và vợ anh là Phùng Thị H, nhưng đây không phải là hợp đồng mua bán xe ô tô. Vợ chồng anh ký vào hợp đồng mua bán xe ô tô là do anh M đến mượn hợp đồng mua bán xe ô tô mẫu để cho vợ anh M xem, vợ anh là chị H có đưa cho anh M bản hợp đồng chưa ghi nội dung gì chỉ có chữ ký của vợ chồng anh và vợ chồng anh M.

Trong trường hợp Tòa án tuyên hai hợp đồng mua bán ô tô trên là vô hiệu thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Anh sẽ nộp đơn yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu vào ngày 24/5/2018.

Tại phiên tòa ngày 18/7/2018 và ngày 24/8/2018 anh Đ trình bày: Đối với chiếc xe ô tô MAZDA màu đỏ vợ chồng anh mua của anh M, chị P hiện tại anh đã bán cho người khác tên là T ở Hà Tây, bán với giá 250.000.000 đồng, bán thời điểm ngày 15/6/2017. Khi mua bán không lập hợp đồng mua bán và không có giấy tờ gì do vậy anh không biết được tên tuổi địa chỉ cụ thể của người mua ở đâu. Trường hợp Tòa án tuyên hai hợp đồng mua bán xe ô tô giữa vợ chồng anh và vợ chồng anh M, chị P là vô hiệu thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong vụ án này. Nếu sau này anh có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

+ Tại biên bản làm việc 16/5/2018 chị Phùng Thị H trình bày: Chị và anh Đinh Văn Đ có quan hệ là vợ chồng, chị và anh Đ kết hôn năm 2008.

Chị và anh Đ ở nhà kinh doanh quán Internet từ năm 2014. Chị có biết anh Hoàng Anh M và chị Nguyễn Thị P do vợ chồng anh M và chị P có bán cho vợ chồng chị chiếc xe ô tô MAZDA 6 màu đỏ. Khi mua bán, vợ chồng chị có lập hợp đồng mua bán xe ô tô trên với anh M, chị P năm 2015, giá mua là 800.000.000 đồng, vợ chồng chị trực tiếp trả tiền cho anh M và chị P, trả bằng tiền mặt. Khi lập

hợp đồng mua bán xe anh M, chị P đưa cho vợ chồng chị đăng ký xe ô tô bản gốc. Lập hợp đồng mua bán tại nhà vợ chồng chị tại thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang, có sự chứng kiến của anh Đinh Văn Q. Hợp đồng mua bán chưa được công chứng chứng thực. Chữ ký trong hợp đồng mua bán xe là của chị, chữ viết trong hợp đồng mua bán xe là do anh Đinh Văn Đ là chồng chị viết tên của bên bán, còn tên bên mua, điều 1 và điều 2 trong hợp đồng là chữ viết của chị. Trước khi anh M, chị P bán xe cho vợ chồng chị, vợ chồng anh M, chị P không vay nợ tiền của vợ chồng chị.

+ Tại biên bản làm việc ngày 16/5/2018, người làm chứng là ông Đinh Văn Q trình bày: Ông và anh M, chị P không có quen biết gì.

Năm 2015, ngày tháng cụ thể ông không nhớ, ông nhớ là tầm gần buổi trưa, ông có đến nhà anh Đ chơi. Ông thấy anh Đ, chị H và anh M, chị P đang thỏa thuận mua bán xe ô tô MAZDA màu đỏ, BKS 05758. Hai bên có lập hợp đồng mua bán xe ô tô, người viết hợp đồng mua bán xe là anh Đ hay vợ anh Đ ông không nhớ chính xác. Ông có ký vào hợp đồng mua bán xe giữa anh Đ, chị H và anh M, chị P với tư cách là người làm chứng. Còn trong hợp đồng không có sự chứng kiến của trưởng thôn, ngoài ông chứng kiến việc mua bán xe ô tô giữa anh Đ, chị H và anh M, chị P thì không có ai làm chứng khi hai bên ký hợp đồng mua bán xe. Ngoài hợp đồng mua bán xe ô tô trên giữa anh Đ, chị H và anh M, chị P ông ký vào bản hợp đồng với tư cách là người làm chứng, thì ông không làm chứng và ký với tư cách là người làm chứng trong việc mua bán xe ô tô nào khác giữa anh Đ, chị H và anh M, chị P.

Ông cam đoan lời khai của ông là đúng sự thật, nếu sai ông xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

+ Ngày 06/3/2018, Tòa án có Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 9A/QĐ-TĐTX đối với chiếc xe ô tô MAZDA màu đỏ mà anh M đã thế chấp vay Ngân hàng, nhưng không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được vì anh Đ không hợp tác.

+ Tòa án đã mở phiên tòa nhiều lần, ngày 18/7/2018 Tòa án mở phiên tòa xét xử, nhưng cần phải xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa.

+ Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, Tòa án nhận được Công văn số 2357/BC-PC44 ngày 08/8/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang về việc trao đổi xác minh, giải quyết vụ việc. Tòa án đã thông báo kết quả thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự và không ai có ý kiến gì.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, xử:

1. Buộc anh Hoàng Anh M và chị Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 23/8/2018 là 1.135.472.208 đồng, trong đó tiền gốc là 717.483.500 đồng và tiền lãi là 417.688.708 đồng và tiền lãi tiếp theo kể từ ngày 24/8/2018 theo lãi suất hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Tuyên hợp đồng mua bán xe ô tô MAZDA; Loại xe ô tô con; Số máy PY30351133; Số khung 43A6EC008207; Năm sản xuất 2014; Biển số 98A-05758; Màu sơn đỏ; Chỗ ngồi 05 chỗ. Họ tên chủ xe ông Hoàng Anh M, sinh năm 1984, được ký giữa anh Hoàng Anh M, chị Nguyễn Thị P và anh Đinh Văn Đ, chị Phùng Thị H là vô hiệu.

3. Trường hợp anh M, chị P không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô MAZDA; Loại xe ô tô con; Số máy PY30351133; Số khung 43A6EC008207; Năm sản xuất 2014; Biển số 98A-05758; Màu sơn đỏ; Chỗ ngồi 05 chỗ. Họ tên chủ xe ông Hoàng Anh M, sinh năm 1984. Theo hợp đồng thế chấp các bên đã ký.

4. Về án phí: Anh Hoàng Anh M và chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Kiến nghị, khắc phục thiếu sót: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị P, chị Phùng Thị H và ông Đinh Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử vắng mặt chị P, chị H, anh Quyền là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP X, chi nhánh Bắc Giang và anh Hoàng Anh M, chị Nguyễn Thị P là quan hệ dân sự giữa pháp nhân với cá nhân có đăng ký kinh doanh. Anh Hoàng Anh M, chị Nguyễn Thị P có ký hợp đồng tín dụng số 300.551/2014/HĐTD ngày 08/12/2014 với Ngân hàng TMCP X, chi nhánh Bắc Giang vay số tiền 800.000.000 đồng, mục đích vay là sử dụng mua ô tô phục vụ việc đi lại cá nhân và gia đình. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 08/12/2019. Do anh M, chị P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án thành phố B giải quyết. Đây là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc anh Hoàng Anh M và chị Nguyễn Thị P thanh toán số nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 300.551/2014/HĐTD ngày 08/12/2014, số tiền tạm tính đến ngày 23/8/2018 là 1.135.472.208 đồng, trong đó tiền gốc là 717.483.500 đồng, tiền lãi 417.688.708 đồng thì thấy: Theo hợp đồng tín dụng số 300.551/2014/HĐTD ngày 08/12/2014 và giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 01/KU-LienVietPostBank-MINHHA ngày 08/12/2014, thể hiện anh Hoàng Anh M và chị Nguyễn Thị P có vay của Ngân hàng TMCP X số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 3 tháng đầu là 12%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn; Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả làm 60 kỳ mỗi kỳ một tháng, số tiền trả gốc 59 kỳ đầu, mỗi kỳ là 13.300.000 đồng, kỳ trả gốc cuối cùng số tiền là 15.300.000 đồng; Kỳ cuối cùng trả gốc: Gốc trả hàng tháng, trả vào ngày 25 hàng tháng; Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả hàng tháng, trả vào ngày 25 hàng tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 08/12/2019. Theo như thông báo chuyển nợ quá hạn

lần 1 ngày 26/6/2015 của Ngân hàng TMCP X thì anh M, chị P đến ngày 25/6/2015 còn nợ tiền lãi là 7.768.988 đồng, tiền gốc 733.500.000 đồng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/6/2015. Mặc dù thời hạn hợp đồng tín dụng chưa hết, nhưng vì anh M, chị P vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi và vi phạm qui định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 300.551/2014/HĐTD ngày 08/12/2014. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X là phù hợp với Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[3.2] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; Loại xe ô tô con; Số máy PY30351133; Số khung 43A6EC008207; Năm sản xuất 2014; Biển số 98A-05758; Màu sơn đỏ; Chỗ ngồi 05 chỗ. Họ tên chủ xe ông Hoàng Anh M, sinh năm 1984 thì thấy: Ngày 08/12/2014 anh Hoàng Anh M, chị Nguyễn Thị P ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 300.0335/2014/HĐTC, với nội dung anh M, chị P dùng tài sản thuộc quyền sở hữu là chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; Loại xe ô tô con; Số máy PY30351133; Số khung 43A6EC008207; Năm sản xuất 2014; Biển số 98A-05758; Màu sơn đỏ; Chỗ ngồi 05 chỗ. Họ tên chủ xe ông Hoàng Anh M, sinh năm 1984 để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 300.551/2014/HĐTD ngày 08/12/2014 và tất cả hợp đồng cấp tín dụng ký giữa Ngân hàng TMCP X và anh M, chị P trong khoảng thời gian từ ngày 08/12/2014 đến ngày 08/12/2020. Hợp đồng được Văn phòng công chứng Xương Giang chứng nhận số 3117/2014, quyển số: 07/TP/CC/HĐTC ngày 08/12/2014. Các bên tiến hành các thủ tục thế chấp đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp số 300.0335/2014/HĐTC ngày 08/12/2014 và phù hợp với Điều 342, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3.3] Đối với yêu cầu tuyên hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; Loại xe ô tô con; Số máy PY30351133; Số khung 43A6EC008207; Năm sản xuất 2014; Biển số 98A-05758; Màu sơn đỏ; Chỗ ngồi 05 chỗ. Họ tên chủ xe ông Hoàng Anh M, sinh năm 1984 ký giữa Minh, chị P và anh Đ, chị H là vô hiệu được thể hiện bằng hai hợp đồng cụ thể: 01 hợp đồng mua bán xe ô tô do anh M nộp không có ngày tháng năm và 01 hợp đồng mua bán xe ô tô ghi ngày 28/6/2015 do anh Đ nộp thì thấy: Mặc dù các bên ký hợp đồng mua bán xe ô tô nhưng hợp đồng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công chứng chứng thực. Nội dung của hai hợp đồng khác nhau, đối với hợp đồng do anh M cung cấp, nội dung thể hiện không rõ ràng, sơ sài, không có ngày tháng năm ký hợp đồng. Khi ký hợp đồng mua bán xe ô tô trên thì Đăng ký xe ô tô bản gốc không có. Anh M, chị P lập

hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô trên với anh Đ, chị P là vi phạm Điều 4 của Hợp đồng thế chấp số 300.0335/2014/HĐTC ngày 08/12/2014 ký giữa Ngân hàng TMCP X với anh M, chị P. Nội dung, hình thức của hai hợp đồng mua bán xe ô tô trên không phù hợp với qui định tại Điều 401; Điều 402 Bộ luật dân sự năm 2005. Hai hợp đồng mua bán xe ô tô trên đã vi phạm điều cấm của pháp luật vì chiếc xe ô tô trên anh M, chị P đang thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP X. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 127, Điều 128 và Điều 410 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Đối với việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, các đương sự không có yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP X được chấp nhận, do vậy anh Hoàng Anh M và chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 342, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 127; Điều 128; Điều 401; Điều 402 và Điều 410 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Buộc Anh Hoàng Anh M và chị Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng TMCP X , theo hợp đồng tín dụng số 300.551/2014/HĐTD ngày 08/12/2014, số tiền tạm tính đến ngày 23/8/2018 là 1.135.472.208 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm linh tám đồng), trong đó tiền gốc là 717.483.500 đồng, tiền lãi 417.688.708 đồng

Kể từ ngày 24/8/2018, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất như trong hợp đồng tín dụng số 300.551/2014/HĐTD ngày 08/12/2014, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

2. Tuyên hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; Loại xe ô tô con; Số máy PY30351133; Số khung 43A6EC008207; Năm sản xuất 2014; Biển số 98A-05758; Màu sơn đỏ; Chỗ ngồi 05 chỗ. Họ tên chủ xe ông Hoàng Anh M, sinh năm 1984 ký giữa anh Hoàng Anh M, chị Nguyễn Thị P và anh Đinh Văn Đ, chị Phùng Thị H là vô hiệu được thể hiện bằng hai hợp đồng cụ thể: 01 hợp đồng mua bán xe ô tô do anh M nộp không có ngày tháng năm và 01 hợp đồng mua bán xe ô tô ghi ngày 28/6/2015 do anh Đ nộp cụ thể: 01 hợp đồng mua bán xe ô tô do anh M nộp không có ngày tháng năm và 01 hợp đồng mua bán xe ô tô ghi ngày 28/6/2015 do anh Đ nộp.

3. Trường hợp anh Hoàng Anh M và chị Nguyễn Thị P không trả được nợ thì phải chịu các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật kể cả việc phát mại tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; Loại xe ô tô con; Số máy PY30351133; Số khung 43A6EC008207; Năm sản xuất 2014; Biển số 98A-05758; Màu sơn đỏ; Chỗ ngồi 05 chỗ. Họ tên chủ xe ông Hoàng Anh M, sinh năm 1984, theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 300.0335/2014/HĐTC ngày 08/12/2014

4. Về án phí: Anh Hoàng Anh M và chị Nguyễn Thị P phải chịu 46.064.166 đồng án dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về tuyên hợp đồng vô hiệu.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.000.000 đồng và 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/06438 ngày 14/11/2017 và biên lai số AA/2012/06756 ngày 17/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án (hoặc niêm yết bản án).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND TP B;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- *Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;*
- *Chi cục THA dân sự thành phố B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP*

Ngô Thị Thanh Hảo